VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

(Tiếp theo Công báo số 49 + 50)

Phụ lục XV
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số lượng dự kiến	Định hướng/ Địa điểm
I	**DI TÍCH**		
1	**Di tích đã được công nhận**		
1.1	Di tích quốc gia đặc biệt đã được công nhận	2	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo
1.2	Di tích xếp hạng cấp quốc gia	91	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp
1.3	Di tích xếp hạng cấp tỉnh	128	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo các di tích xuống cấp
2	**Di tích được công nhận mới**		
2.1	Di tích xếp hạng quốc gia đặc biệt	02	
2.2	Di tích xếp hạng cấp quốc gia	20	
2.3	Di tích xếp hạng cấp tỉnh	50	

TT	Danh mục	Số lượng dự kiến	Định hướng/ Địa điểm
II	**THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO CẤP TỈNH XÂY DỰNG MỚI**		
1	Xây dựng Thư viện tỉnh	1	Thành phố Phủ Lý
2	Đầu tư, xây dựng, nâng cấp thiết chế Nhà văn hóa tỉnh (1)	2	Thành phố Phủ Lý
3	Hoàn thiện Thiết chế Bảo tàng tỉnh	1	Thành phố Phủ Lý
4	Xây dựng, nâng cấp Khu liên hợp thể thao tỉnh	2	Thành phố Phủ Lý
5	Cải tạo nâng cấp Sân vận động, nhà tập đa năng tỉnh	1	Thành phố Phủ Lý
6	Xây dựng mới Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống	1	Thành phố Phủ Lý
7	Xây dựng mới Nhà văn hóa tỉnh	1	Thành phố Phủ Lý

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

(1) - Nâng cấp nhà văn hóa trung tâm hiện có tại phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý.

- Xây dựng mới Nhà văn hóa tỉnh tại đô thị Bắc Châu Giang, thành phố Phủ Lý.

Phụ lục XVI
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN LĨNH VỰC XÃ HỘI TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050 (GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO; Y TẾ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE; LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG, AN SINH XÃ HỘI VÀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Danh mục	Số cơ sở/ Quy mô dự kiến	Địa điểm
I	**Các cơ sở giáo dục, giáo dục nghề nghiệp**		
1	**Khối Trung học phổ thông**	25	Các huyện, thị xã, thành phố
1.1	Số cơ sở duy trì hoạt động, cải tạo, nâng cấp và mở rộng	23	Các huyện, thị xã, thành phố
1.2	Trường Trung học phổ thông tư thục	3-4	Khu đô thị, khu công nghiệp, khu vực tập trung đông dân
2	**Khối giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên**	**25**	Các huyện, thị xã, thành phố
2.1	Trường Cao đẳng	06	Các huyện, thị xã, thành phố
-	*Trong đó: Nâng cấp, phát triển chất lượng đào tạo (Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam và Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam)*	*02*	
-	*Thành lập mới thêm 01 Trường Cao đẳng tư thục*	*01*	
2.2	Trường Trung cấp	07	Các huyện, thị xã, thành phố
	Trong đó: Thành lập mới Trường Trung cấp tư thục	*02*	
2.3	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	06	Các huyện, thị xã, thành phố
2.4	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp tư thục thành lập mới	02	Các huyện, thị xã, thành phố
2.5	Các cơ sở khác có tham gia hoạt động Giáo dục nghề nghiệp	05	Các huyện, thị xã, thành phố
3	**Trường liên cấp *(Trường Trung học cơ sở - Trung học phổ thông, Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học phổ thông)***		**Các huyện, thị xã, thành phố**

TT	Danh mục	Số cơ sở/ Quy mô dự kiến	Địa điểm
II	**Cơ sở y tế**		
1	Đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	1.150 giường	Thành phố Phủ Lý
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Lao và bệnh phổi	120 giường	Thành phố Phủ Lý
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần	120 giường	Huyện Thanh Liêm
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	250 giường	Thành phố Phủ Lý
5	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Mắt	150 giường	Thành phố Phủ Lý
6	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Phong	50 giường	Huyện Kim Bảng
7	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Nhi		Thành phố Phủ Lý
8	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao		Thành phố Phủ Lý
9	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm, Chi cục trực thuộc Sở Y tế		Thành phố Phủ Lý
10	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế, Bệnh viện tuyến huyện		Các huyện, thành phố, thị xã
III	**Cơ sở an sinh xã hội**		
1	Nâng cấp Trung tâm Nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và Điều dưỡng người có công tỉnh	150 giường điều dưỡng	Huyện Thanh Liêm
2	Giữ ổn định 01 đơn vị cung cấp dịch vụ việc làm công lập là: Trung tâm Dịch vụ việc làm tỉnh	01	Thành phố Phủ Lý
3	Giữ ổn định 01 Trung tâm Trợ giúp xã hội là: Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Hà Nam	01	Huyện Thanh Liêm
4	Phấn đấu thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội cho người cao tuổi	01	
5	Giữ ổn định 01 Trung tâm Trợ giúp xã hội và Điều nghiện ma túy: Trung tâm Điều trị nghiện ma túy và Phục hồi chức năng người tâm thần	01	Huyện Kim Bảng
IV	**Cơ sở, tổ chức khoa học - công nghệ**		
1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN và Kiểm định, kiểm nghiệm	01	Thành phố Phủ Lý
2	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	01	Thành phố Phủ Lý
3	Trung tâm nghiên cứu và phát triển đất hiếm	01	Thành phố Phủ Lý

TT	Danh mục	Số cơ sở/ Quy mô dự kiến	Địa điểm
4	Trung tâm nghiên cứu và phát triển dược liệu Thanh Liêm	01	Huyện Thanh Liêm
5	Trung tâm Khoa học môi trường và sức khỏe	01	Huyện Kim Bảng
6	Trung tâm Nghiên cứu và phát triển công nghệ Tân Á	01	Huyện Thanh Liêm
7	Trung tâm nghiên cứu và Chuyển giao khoa học công nghệ Lebio - Công ty Cổ phần Nông nghiệp hữu cơ Hà Nam	01	Thị xã Duy Tiên
8	Trại thực nghiệm ứng dụng triển khai các dự án thử nghiệm	01	Thành phố Phủ Lý

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập các thủ tục đầu tư dự án.

Phụ lục XVII
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 TỈNH HÀ NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Phân bổ theo QĐ 326/QĐ-TTg			Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của tỉnh
				Cấp Quốc gia phân bổ	Cấp tỉnh xác định	Diện tích năm 2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN		**86.193**			**86.193**	**86.193**
1	**Đất nông nghiệp**	NNP	**51.478**	**40.378**		**40.378**	**35.711**
	Trong đó:						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	32.444	24.667		24.667	20.000
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	31.996	*24.667*		24.667	20.000
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.373		2.720	2.720	2.720
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.082	217		217	217
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD		3.474		3.474	3.474
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	883	323		323	323
	Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	*RSN*	854	*200*		200	200
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**32.720**	**44.187**		**44.187**	**48.855**
	Trong đó:						
2.1	Đất quốc phòng	CQP	199	699		699	699
2.2	Đất an ninh (*)	CAN	207	296		296	429
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1.775	4.627		4.627	6.656
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	190		1.036	1.036	1.036
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	36		581	581	581
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	897		1.323	1.323	1.750
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.932		2.070	2.070	2.050
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	12.906	15.234	130	15.364	17.097
	Trong đó:						
-	*Đất giao thông*	*DGT*	*8.329*	*9.782*		9.782	11.941
-	*Đất thủy lợi*	*DTL*	*3.109*		*2.169*	2.169	2.240
-	*Đất xây dựng cơ sở văn hóa*	*DVH*	*78*	*219*		219	219

TT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng năm 2020	Phân bổ theo QĐ 326/QĐ-TTg			Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 theo đề nghị của tỉnh
				Cấp Quốc gia phân bổ	Cấp tỉnh xác định	Diện tích năm 2030	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
-	*Đất xây dựng cơ sở y tế*	*DYT*	*148*	*281*		281	214
-	*Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo*	*DGD*	*552*	*1.337*		1.337	976
-	*Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao*	*DTT*	*544*	*1.306*		1.306	1.221
-	*Đất công trình năng lượng*	*DNL*	*71*	*157*		157	157
-	*Đất công trình bưu chính viễn thông*	*DBV*	*8*	*23*		23	23
2.9	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		9		9	9
2.10	Đất có di tích, lịch sử - văn hóa	DDT	8	29		29	29
2.11	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	60	99		99	99
2.12	Đất cơ sở tôn giáo	TON	168		188	188	188
2.13	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	983		1.101	1.101	1.165
2.14	Đất danh lam, thắng cảnh	DDL	1.579		1.801	1.801	1.820
2.15	Đất ở tại nông thôn	ONT	4.881		5.865	5.865	6.370
2.16	Đất ở tại đô thị	ODT	1.758		3.769	3.769	3.740
2.17	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	100		167	167	151
2.18	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	6		12	12	10
2.19	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DGN					
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**1.995**	**1.628**	**0**	**1.628,00**	**1.628**
II	**KHU CHỨC NĂNG (1)**	**KDT**					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN					663
2	Đất đô thị	KDT	16.957	21.418		21.418	36.180
3	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN	32.444		24.667	24.667	
4	Khu lâm nghiệp	KLN	4.965		4.014	4.014	
5	Khu du lịch	KDL	2.000		4.000	4.000	
6	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT			3.182	3.182	
7	Khu phát triển công nghiệp	KPC	1.966		5.663	5.663	
8	Khu đô thị	DTC			8.636	8.636	
9	Khu thương mại - dịch vụ	KTM			445	445	
10	Khu dân cư nông thôn	DNT	20.054		14.266	14.266	

Ghi chú:

- Diện tích đất đề xuất điều chỉnh được thực hiện khi tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- (*) Diện tích đất an ninh là 429 ha theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- (1) Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các địa phương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (*nếu có*) của cấp có thẩm quyền. Chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được thực hiện theo quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục XVIII
PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên vùng/tiểu vùng	Ký hiệu
I	**Vùng bảo vệ nghiêm ngặt**	**C**
1	Vùng bảo vệ Nghiêm ngặt của khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng tại huyện Kim Bảng	C1
2	Các khu dân cư nội thị, khu vực trung tâm của thành phố Phủ Lý và các hệ sinh thái dân cư, sinh cảnh khu vực nội thị	C2
3	Các khu dân cư nội thị, khu vực trung tâm của Thị xã Duy Tiên (*đô thị loại III*) và các hệ sinh thái dân cư, sinh cảnh khu vực nội thị	C3
4	Khu vực bảo vệ I của các di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, di tích - cụm di tích cấp quốc gia, di tích - cụm di tích cấp tỉnh	C3
5	Tiểu vùng nước mặt sông quan trọng phục vụ nước sinh hoạt	C4
II	**Vùng hạn chế phát thải**	**R**
1	Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước	R1
2	Các khu dân cư nội thị, khu vực trung tâm của các đô thị loại IV và loại V trên địa bàn tỉnh	R2
3	Khu sản xuất lâm nghiệp, rừng phòng hộ, rừng tự nhiên	R3
4	Khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nuôi trồng thủy sản	R4
5	Các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh	R5
6	Tiểu vùng phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch sinh thái	R6
7	Các khu vực bảo vệ II các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Hà Nam	R7
III	**Vùng khác**	**D**
1	Tiểu vùng phát triển công nghiệp - dịch vụ - đô thị	D1
2	Tiểu vùng phát triển nông, lâm, công nghiệp phía tây	D2
3	Tiểu vùng phát triển nông, công nghiệp phía Đông	D3
4	Tiểu vùng khu dân cư - hành chính	D4

Phụ lục XIX

PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục/địa phương	Tổng số (điểm)	Trong đó:	
			Hiện có	Bổ sung mới
1	Môi trường nước mặt (*sông, suối, hồ*)	19	19	
2	Môi trường nước mặt tự động	7		7
3	Môi trường nước dưới lòng đất (*nước ngầm*)	15	15	
4	Nước thải (*Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, dân cư đô thị…)*	50	22	28
5	Nước mưa	10	3	7
6	Môi trường không khí xung quanh,	72	72	
7	Quan trắc môi trường không khí tự động	1		1
8	Tiếng ồn (*khu công nghiệp, cụm công nghiệp, Làng nghề, Cơ sở sản xuất kinh doanh ngoài khu công nghiệp/cụm công nghiệp, Cơ sở khai thác khoáng sản, dân cư)*	34	34	
9	Tiếng ồn giao thông	12	12	
10	Tiếng ồn khu dân cư	12	12	
11	Môi trường đất	09	09	

Phụ lục XX

QUY HOẠCH BẢO VỆ, THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên loại khoáng sản	Số lượng khu	Địa điểm
A	**QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC**		
I	**Khoáng sản vật liệu xây dựng**		
1	Đá vôi xi măng	03	Huyện Kim Bảng
		09	Huyện Thanh Liêm
2	Sét xi măng	03	Huyện Kim Bảng
		03	Huyện Thanh Liêm
3	Phụ gia xi măng	02	Huyện Thanh Liêm
4	Đôlômit	03	Huyện Thanh Liêm
5	Đá vôi cho sản xuất kính và vôi công nghiệp	09	Huyện Thanh Liêm
		09	Huyện Kim Bảng
II	**Khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường**		
1	Đá vôi vật liệu xây dựng thông thường	23	Huyện Kim Bảng
		48	Huyện Thanh Liêm
2	Sét gạch ngói	04	Huyện Duy Tiên
		04	Huyện Lý Nhân
		02	Huyện Thanh Liêm
3	Cát xây dựng	01	Huyện Lý Nhân
4	Cát san lấp	04	Huyện Duy Tiên
		05	Huyện Lý Nhân
5	Đất, đá san lấp	01	Huyện Thanh Liêm
B	**ĐỊNH HƯỚNG BẢO VỆ**		
I	**Các điểm mỏ đã được quy hoạch, cấp phép thăm dò**		
1	Đá vôi làm nguyên liệu xi măng	01	Huyện Thanh Liêm
		02	Huyện Kim Bảng
2	Sét làm nguyên liệu xi măng	05	Huyện Thanh Liêm
		07	Huyện Kim Bảng
II	**Các khu vực khoáng sản đã được điều tra, đánh giá**		
1	Đá vôi xi măng	05	Huyện Kim Bảng
		07	Huyện Thanh Liêm

STT	Tên loại khoáng sản	Số lượng khu	Địa điểm
2	Sét xi măng	03	Huyện Kim Bảng
		02	Huyện Thanh Liêm
3	Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường	13	Huyện Kim Bảng
		23	Huyện Thanh Liêm
4	Sét gạch ngói	01	Huyện Kim Bảng
		02	Huyện Duy Tiên
		05	Huyện Lý Nhân
5	Cát xây dựng	01	Huyện Lý Nhân
6	Vật liệu san lấp	03	Huyện Kim Bảng
		06	Huyện Thanh Liêm
		01	Huyện Lý Nhân

Ghi chú:

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ quy hoạch cấp cao hơn, phương án quy hoạch này và các phương án quy hoạch khác có liên quan để rà soát, xác định và điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (*nếu cần*) bảo đảm phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành.

- Đối với khu vực huyện Kim Bảng: tất cả các mỏ trên địa bàn kết thúc việc khai thác trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 (*trừ khu vực xã Thanh Sơn*).

- Đối với mỏ sét xi măng khu vực huyện Thanh Liêm: kết thúc việc khai thác trước ngày 31 tháng 12 năm 2025; riêng với mỏ sét xi măng T51, T52 núi Nghè kết thúc việc khai thác trước ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Phụ lục XXI
DANH MỤC MỘT SỐ DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ THỜI KỲ 2021 - 2030
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
I	**KHU CÔNG NGHỆ CAO**			
	Khu Công nghệ cao Hà Nam	Huyện Lý Nhân	663 ha	
II	**KHU CÔNG NGHIỆP**			
1	Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III phía phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Thị xã Duy Tiên	223 ha	Thành lập mới
2	Khu công nghiệp Thái Hà	Huyện Lý Nhân	200 ha	Đã thành lập 100ha, Thu hút đầu tư, lấp đầy
3	Khu công nghiệp Đồng Văn V	Thị xã Duy Tiên	250 ha	Thành lập mới
4	Khu công nghiệp Đồng Văn VI	Thị xã Duy Tiên	250 ha	Thành lập mới
5	Khu công nghiệp Kim Bảng I	Huyện Kim Bảng	305 ha	Thành lập mới
6	Khu công nghiệp Châu Giang I	Thị xã Duy Tiên	250 ha	Thành lập mới
7	Khu công nghiệp Kim Bảng IV	Huyện Kim Bảng	300 ha	Thành lập mới
8	Khu công nghiệp Kim Bảng II	Huyện Kim Bảng	270 ha	Thành lập mới
9	Khu công nghiệp Thanh Bình II	Huyện Thanh Liêm	300 ha	Thành lập mới
10	Khu công nghiệp Bình Lục	Huyện Bình Lục	300 ha	Thành lập mới
11	Khu công nghiệp Thái Hà III	Huyện Lý Nhân	300 ha	Thành lập mới
12	Khu công nghiệp Thanh Bình I	Huyện Thanh Liêm	690 ha	Thành lập mới
12.1	*Khu công nghiệp Thanh Bình IA*	*Huyện Thanh Liêm*	*230 ha*	*Thành lập mới*
12.2	*Khu công nghiệp Thanh Bình IB*	*Huyện Thanh Liêm*	*230 ha*	*Thành lập mới*
12.3	*Khu công nghiệp Thanh Bình IC*	*Huyện Thanh Liêm*	*230 ha*	*Thành lập mới*
13	Khu công nghiệp Kim Bảng III	Huyện Kim Bảng	300 ha	Thành lập mới
III	**CỤM CÔNG NGHIỆP**			
1	Cụm công nghiệp Kim Bình	Thành phố Phủ Lý	73,46 ha	Đã sử dụng hết diện tích là 51,7ha; Mở rộng lên 73,46 ha
2	Cụm công nghiệp Thi Sơn	Huyện Kim Bảng	74,10 ha	Đã sử dụng hết diện tích là 49ha; Mở rộng lên 74,10 ha
3	Cụm công nghiệp Trung Lương	Huyện Bình Lục	68,71 ha	Đã sử dụng hết diện tích 10,6ha; Mở rộng lên 68,71 ha

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
4	Cụm công nghiệp Yên Lệnh	Thị xã Duy Tiên	69,09 ha	Thành lập mới
5	Cụm công nghiệp Trác Văn	Thị xã Duy Tiên	56,65 ha	Thành lập mới
6	Cụm công nghiệp làng nghề Nha Xá	Thị xã Duy Tiên	10 ha	Thành lập mới
7	Cụm công nghiệp làng nghề Tiên Sơn	Thị xã Duy Tiên	10 ha	Thành lập mới
8	Cụm công nghiệp Đồng Hóa	Huyện Kim Bảng	75 ha	Thành lập mới
9	Cụm công nghiệp Thi Sơn I	Huyện Kim Bảng	75 ha	Thành lập mới
10	Cụm công nghiệp Đức Lý	Huyện Lý Nhân	65 ha	Thành lập mới
11	Cụm công nghiệp Tiến Thắng	Huyện Lý Nhân	25 ha	Thành lập mới
12	Cụm công nghiệp Thái Hà	Huyện Lý Nhân	75 ha	Thành lập mới
13	Cụm công nghiệp Thanh Liêm I	Huyện Thanh Liêm	70 ha	Thành lập mới
14	Cụm công nghiệp Thanh Liêm II	Huyện Thanh Liêm	75 ha	Thành lập mới
15	Cụm công nghiệp Trung Lương 2	Huyện Bình Lục	50 ha	Thành lập mới
16	Cụm công nghiệp La Sơn	Huyện Bình Lục	70 ha	Thành lập mới
IV	**GIAO THÔNG**			
A	**CAO TỐC, QUỐC LỘ**			
	Cao tốc			
1	Bắc - Nam phía Đông đoạn Cầu Giẽ (*Hà Nội*) - Cao Bồ (*Ninh Bình*) (*CT.01*)	Thị xã Duy Tiên, thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm	28,9 km	Hoàn thành cao tốc 8 làn xe đối với đoạn cầu Giẽ - Phú Thứ, 6 làn xe đối với đoạn cầu Giẽ - Ninh Bình và hệ thống đường gom, đường song hành và hạ tầng kỹ thuật liên quan
2	Phủ Lý (*Hà Nam*) - Nam Định (*CT.11*)	Thành phố Phủ Lý, huyện Bình Lục	25 km	Hoàn thành cao tốc 4 làn xe và hệ thống đường gom, đường song hành và hạ tầng kỹ thuật liên quan
3	Đường Vành đai 5, Thủ đô Hà Nội - Đoạn chính tuyến phía Nam (*CT.39*)	Huyện Kim Bảng, thị xã Duy Tiên, thành phố Phủ Lý, huyện Bình Lục, huyện Lý Nhân	35,3 km	Hoàn thành cao tốc 6 làn xe và hệ thống đường gom, đường song hành và hạ tầng kỹ thuật liên quan
4	Hưng Yên - Thái Bình (*CT.16*)	Huyện Lý Nhân	4,5 km	Đầu tư trước hệ thống đường gom, đường song hành và hạ tầng kỹ thuật liên quan

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
	Quốc lộ			
1	Quốc lộ 1	Thị xã Duy Tiên, thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm	35,2 km	
2	Quốc lộ 1 đoạn tránh thành phố Phủ Lý	Thị xã Duy Tiên, thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm	23,8 km	
3	Quốc lộ 21	Huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm, huyện Bình Lục	40,5 km	
4	Quốc lộ 21B	Huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, huyện Bình Lục	44 km	
5	Quốc lộ 37B	Huyện Bình Lục, thị xã Duy Tiên, thành phố Phủ Lý	32,5 km	
6	Quốc lộ 38	Huyện Kim Bảng, thị xã Duy Tiên	23 km	
7	Quốc lộ 38B	Thị xã Duy Tiên, huyện Lý Nhân	34,4 km	
8	Quốc lộ 21C (*Ba Sao - Bái Đính*)	Huyện Kim Bảng	8 km	
B	**ĐƯỜNG TỈNH**			
1	ĐT. 499	Thành phố Phủ Lý, huyện Bình Lục	8,7 km	
2	ĐT. 494C	Thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm	8,1 km	
3	ĐT. 495B	Huyện Thanh Liêm, huyện Bình Lục, huyện Lý Nhân	47,7 km	
4	ĐT. 496B	Huyện Bình Lục, huyện Lý Nhân	18,9 km	
5	ĐT. 498	Huyện Kim Bảng, huyện Lý Nhân.	21,0 km	
6	Đầu tư xây dựng, cải tạo sửa chữa tuyến đường ĐT.495C	Huyện Thanh Liêm	7,2 km	
7	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành Quốc lộ 21, địa phận huyện Kim Bảng (*đoạn từ ĐH.05 huyện Kim Bảng đến nút giao đường T3 với quốc lộ 21*)	Huyện Kim Bảng	4,2 km	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
8	Đầu tư xây dựng nút giao Phú Thứ và tuyến đường kết nối tại xã Tiên Hiệp, thành phố Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý		
9	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ QL1A giao với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình bằng nút giao Liêm Sơn đi qua huyện Bình Lục giao với đường QL.21A, QL21B đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Ninh Bình; kết nối hai di tích quốc gia đặc biệt là đền Trần Thương (*tỉnh Hà Nam*) và Khu di tích lịch sử - văn hóa đền Trần (*tỉnh Nam Định*)	Huyện Thanh Liêm, huyện Bình Lục, huyện Lý Nhân	48 km	
10	Đầu tư xây dựng cầu Tân Lang và tuyến đường liên kết vùng, nối từ đường nối vành đai 4 - vành đai 5 qua Quốc lộ 38 đến đường Quốc lộ 21 huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng		
11	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ nút giao QL.38B đến khu vực quy hoạch cảng Yên Lệnh	Thị xã Duy Tiên		
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Quốc lộ 38 (*khu quy hoạch trung tâm hành chính thị xã Duy Tiên*) đến đê sông Hồng địa bàn thị xã Duy Tiên.	Thị xã Duy Tiên	7 km	
13	Đầu tư xây dựng cầu Vùa và đường hai đầu cầu kết nối ĐT.496 với QL.38B, tỉnh Hà Nam.	Huyện Lý Nhân, huyện Bình Lục		
14	ĐTXD trục dọc Bắc - Nam (*phía Đông đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình*), kết nối Hà Nam với các tỉnh Hưng Yên, Nam Định, địa phận tỉnh Hà Nam (*đoạn từ đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình đến QL.37B*)	Thành phố Phủ Lý	2,4 Km	
15	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối từ chùa Ba Sao đến chùa Bái Đính trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng	15,7 km.	
16	Đầu tư xây dựng đường gom dọc tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh, địa phận tỉnh Hà Nam	Thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm, huyện Bình Lục	5,2 km	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
17	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ tuyến tránh QL.38 đến cụm công nghiệp Châu Giang	Thị xã Duy Tiên		
18	Xây dựng tuyến đường kết nối QL.38B đến đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình *(đoạn từ đường ĐT.491 đến đường nối 02 cao tốc, qua khu công nghiệp Thái Hà)*	Huyện Lý Nhân	2,7 km	
19	Thực hiện chỉnh trang hạ tầng, tạo cảnh quan đô thị, cảnh quan Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc (*các khu vực xen kẹp giữa đường song hành với Quốc lộ 21 và với mương thủy lợi, sông Ba Sao tiếp giáp với Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc; thuộc địa phận thị trấn Ba Sao và các xã Khả Phong, Liên Sơn, huyện Kim Bảng).*	Huyện Kim Bảng	4,2 km	
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành Quốc lộ 21 *(đoạn từ nút giao với đường T3 đến dốc Núi Sẻ*), huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng	1,2km	
21	Tuyến đường chuyên dùng và các tuyến nhánh phục vụ vận chuyển nguyên liệu	Huyện Thanh Liêm		
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành 02 bên đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (giai đoạn 1), đoạn từ xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng (*giáp ranh với Hà Nội) đến nút giao với đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 (đường 68m*) và đoạn từ nút giao Phú Thứ đến nút giao với đường nối hai cao tốc tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục	Huyện Kim Bảng, huyện Bình Lục, thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên	28 km	
22.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ song hành đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (*giai đoạn 1*), đoạn từ nút giao kết nối với QL.21B (*phía bờ hữu sông Nhuệ*) đến nút giao với đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 (*đường 68m*) và 1 bên đoạn từ nút giao Phú Thứ đến nút giao với đường nối hai cao tốc tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục	Thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên huyện Bình Lục,	8,43 km	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
22.2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường song hành 02 bên đường Vành đai 5 - Vùng Thủ đô Hà Nội (*giai đoạn 1*), đoạn từ xã Tượng Lĩnh, huyện Kim Bảng (*giáp ranh với Hà Nội*) đến nút giao với đường Lê Công Thanh giai đoạn 3 (*đường 68m*) và đoạn từ nút giao Phú Thứ đến nút giao với đường nối hai cao tốc tại xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục	Huyện Kim Bảng, thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên, huyện Bình Lục	19,53 km	
23	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối vào khu nhà ở xã hội xã Đại Cương, huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng	1,3 Km	
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường ĐH.03 đến đường T3 Khu Du lịch quốc gia Tam Chúc	Huyện Kim Bảng	1,4 km	
25	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông thuộc dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật thiết yếu giai đoạn 1 và giai đoạn 2 Khu Đại học Nam Cao	Thị xã Duy Tiên, Thành phố Phủ Lý	10 km	
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (*từ đoạn giao QL.21 đến đường ĐT.499B)*, huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	4km	
27	Đoạn tuyến còn lại của tuyến đường kết nối vành đai 4 - vành đai 5 trên địa bàn tỉnh Hà Nam để kết nối với trục kinh tế phía Nam của thủ đô Hà Nội	Huyện Kim Bảng, huyện Bình Lục, thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên		
28	Mở rộng cầu Khả Phong và tuyến đường kết nối với đường song hành QL21 (*lý trình khoảng Km 104+550-QL21*)	Huyện Kim Bảng		
29	Tuyến đường trục dọc phía đông đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình kết nối từ đường Vành đai 5 theo quy hoạch đến đường ĐT.495B	Huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên		
30	Tuyến đường 36m kết nối từ Quốc lộ 21A qua Ga đường sắt tốc độ cao theo quy hoạch đến nút giao Phú Thứ và cầu vượt sông Châu	Thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên		
31	Tuyến đường kết nối từ QL21 (*tại xã Liên Sơn) với QL.l đoạn tránh thành phố Phủ Lý (nghiên cứu phương án tuyến N5, D7, N3 thuộc đồ án Quy hoạch chung đô thị Kim Bảng*)	Huyện Kim Bảng		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
32	Tuyến đường 68m từ QL21 (đường Lê Đức Thọ) qua cao tốc đến Ga đường sắt tốc độ cao theo quy hoạch và đoạn Từ nút giao đườn 68m xã Liêm Chung vượt qua đường sắt kết nối với đường T4 (QL21) huyện Thanh Liêm và cầu vượt đường sắt Bắc Nam	Huyện Thanh Liêm, thành phố Phủ Lý		
33	Cầu vượt QL.1 và tuyến đường kết nối từ đường T3 đến Khu công nghiệp hỗ trợ Đồng Văn III phía Đông đường cao tốc cầu Giẽ - Ninh Bình	Thị xã Duy Tiên		
34	Mở rộng QL.38 đoạn từ nút giao chân cầu vượt Đồng Văn đến QL.21B (bao gồm cả xây dựng 01 đơn nguyên cầu Nhật Tựu)	Thị xã Duy Tiên, huyện Kim Bảng		
35	Tuyến đường từ khu vực sắp xếp trụ sở làm việc các cơ quan của tỉnh theo quy hoạch (trục 150m) qua đường sắt Bắc - Nam kết nối với QL1 và cầu vượt sông Nhuệ, địa phận thành phố Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý		
36	Quốc lộ 38 mới đoạn tránh phường Hòa Mạc qua Tổ dân phố Tây Duyên Giang, phường Châu Giang và Tổ dân phố Chợ Lương, phường Yên Bắc	Thị xã Duy Tiên	3,5 km	
37	Tuyến đường D1 từ nút giao với Quốc lộ 38 đến nút giao với đường Vành đai V theo quy hoạch	Thị xã Duy Tiên	7,8 km	
38	Tuyến đường gom phía Đông đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình địa phận thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên	6,8 km	
39	Tuyến đường kết nối từ QL.38B đến đường Đào Văn Tập, thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên	2,0 km	
40	Tuyến đường N1 kết nối Đông Tây từ đường D1 đến đường Đào Văn Tập, thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên	3,8 km	
41	Tuyến đường N2 kết nối Đông Tây từ đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến Quốc lộ 37B, thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên	4,5 km	
42	Tuyến đường N3 kết nối Đông Tây từ đường Cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đến Quốc lộ 37B, thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên	3,0 km	
43	Tuyến đường trục kết nối Bắc Nam từ Quốc lộ 38 đoạn tránh phường Hòa Mạc đến KCN Châu Giang I và Châu Giang II	Thị xã Duy Tiên	3,6 km	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
44	Xây dựng tuyến đường 68,0m nối thành phố Phủ Lý (*tại xã Liêm Chung*) với tuyến đường QL21 (*điểm đầu của tuyến đường T4 thuộc huyện Thanh Liêm*) và cầu vượt đường sắt trên tuyến	Thành phố Phủ Lý, huyện Thanh Liêm	2,8km	
45	Xây dựng tuyến đường vành đai Kinh tế T1 đoạn kết nối từ QL.1 đến đường ĐT495C, bao gồm cầu vượt sông Đáy	Huyện Thanh Liêm	2,4 km	
46	Xây dựng tuyến đường T4 (*quy mô 68,0m*) đoạn từ đường ĐT.499B đến đường ĐT.495B	Huyện Thanh Liêm	5,2 km	
47	Các cầu vượt sông trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hà Nam		
C	**TUYẾN ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**		**196 km**	
	Cấp quốc gia		**90 km**	
1	Sông Hồng	Đoạn qua tỉnh Hà Nam	40 km	Cấp II
2	Sông Đáy	Đoạn qua tỉnh Hà Nam	50 km	Cấp III
	Cấp tỉnh		**106 km**	
1	Sông Châu Giang	Tỉnh Hà Nam	58 km	Cấp IV; Cấp VI
2	Sông Nhuệ	Tỉnh Hà Nam	18 km	Cấp V
3	Sông Nông Giang	Tỉnh Hà Nam	13 km	Cấp VI
4	Sông Sắt	Tỉnh Hà Nam	17 km	Cấp VI
D	**CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**			
	Trên Sông Hồng			
1	Cảng Yên Lệnh Bắc	Thị xã Duy Tiên	2.500 nghìn tấn/năm	
2	Cảng Yên Lệnh Nam (*Cụm cảng Yên Lệnh Hà Nam*)	Thị xã Duy Tiên	4.000 nghìn tấn/năm	
3	Cảng Thủy Long	Huyện Lý Nhân	1.000 nghìn tấn/năm	
4	Cảng Thái Hà (*Chân Lý 1)*	Huyện Lý Nhân	1.000 nghìn tấn/năm	
5	Cảng Thái Hà *(cụm cảng Chân Lý 2)*	Huyện Lý Nhân	1.500 nghìn tấn/năm	
6	Cảng Phú Phúc	Huyện Lý Nhân	500 nghìn tấn/năm	
7	Cảng Hòa Hậu	Huyện Lý Nhân	500 nghìn tấn/năm	
8	Các cảng khác	Tỉnh Hà Nam	700 nghìn tấn/năm	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
	Trên Sông Đáy			
9	Cảng Châu Sơn	Thành phố Phủ Lý	400 nghìn tấn/năm	
10	Cảng khoáng sản Nam Hà	Huyện Thanh Liêm	700 nghìn tấn/năm	
11	Cảng Hồng Hà	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
12	Cảng Minh Thành Phát	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
13	Cảng Hoa Đức	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
14	Cảng Bắc Hà	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
15	Cảng Sơn Hữu	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
16	Cảng Hữu Trí	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
17	Cảng Tân Lập	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
18	Cảng thủy nội địa chuyên dùng xăng dầu	Huyện Kim Bảng	200 nghìn tấn/năm	
19	Cảng Bút Sơn *(bờ Hữu)*	Thành phố Phủ Lý	1.900 nghìn tấn /năm	
20	Cảng Vissai 1 (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm	1.500 nghìn tấn/năm	
21	Cảng Xuân Thành (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm	2.000 nghìn tấn/năm	
22	Cảng Hoàng Long (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm	900 nghìn tấn/năm	
23	Cảng Thành Thắng (*bờ Hữu*)	Huyện Thanh Liêm	800 nghìn tấn/năm	
24	Cảng Nam Kinh - Bờ hữu sông Đáy	Huyện Thanh Liêm	300 nghìn tấn/năm	
25	Cảng Vissai 2 (*bờ Hữu sông Đáy*)	Huyện Thanh Liêm	3.000 nghìn tấn/năm	
26	Cảng Xuân Thành (*bờ Tả sông Đáy*)	Huyện Thanh Liêm	6.000 nghìn tấn/năm	
27	Cảng thủy nội địa chuyên dùng - Nhà máy xi măng Thành Thắng (*bờ Đông sông Đáy*)	Huyện Thanh Liêm	6.000 nghìn tấn/năm	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
Đ	**ĐƯỜNG SẮT**			
	Tuyến ĐS Bắc - Nam hiện hữu			
1	Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	Tỉnh Hà Nam	31,25 km	
	Tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam			
1	Đoạn hành lang ven biển Bắc - Nam, khu đoạn Hà Nội - Vinh	Tỉnh Hà Nam	36,15 km	
E	**GA ĐƯỜNG SẮT**			
	Đường sắt Bắc - Nam			
1	Ga Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý		Hàng hóa và hành khách
2	Ga Đồng Văn	Thị xã Duy Tiên		Hàng hóa và hành khách
3	Ga Bình Lục	Huyện Bình Lục		Hàng hóa và hành khách
	Đường sắt tốc độ cao			
1	Ga Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý		
2	Trạm bảo dưỡng	Huyện Bình Lục		
G	**TRUNG TÂM LOGISTICS, CẢNG CẠN ICD**			
	Cấp Vùng			
1	Trung tâm logistics, cảng cạn ICD Bình Lục	Huyện Bình Lục	30 ha	Trung tâm trung chuyển
	Cấp tỉnh			
2	Trung tâm Logistic, cảng cạn ICD Yên Lệnh	Thị xã Duy Tiên	10 ha	Trung tâm trung chuyển
	Cảng ICD			
3	Cảng cạn Tân cảng Hà Nam	Thị xã Duy Tiên	9,4 ha	Cảng cạn
H	**HỆ THỐNG BẾN, BÃI XE**			
1	Các bến, bãi xe trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Hà Nam		
V	**CẤP ĐIỆN**			
	Lưới điện 220kV			
1	TBA 220kV Lý Nhân	Tỉnh Hà Nam	2x250	máy x MVA
2	TBA 220kV Đồng Văn	Tỉnh Hà Nam	2x250	máy x MVA
3	Cải tạo sơ đồ thanh cái 220kV linh hoạt, 4 phân đoạn tại trạm 220kV Thanh Nghị	Tỉnh Hà Nam		
4	Mạch 2 đường dây 220kV Hà Đông - Ứng Hòa - Phủ Lý	Tỉnh Hà Nam	2x40	Số mạch x km
5	Mạch 2 đường dây 220kV Nho Quan - Phủ Lý	Tỉnh Hà Nam	2x27	Số mạch x km

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
6	Xây dựng mới đường dây 220kV (*bốn mạch*) Lý Nhân - rẽ Thanh Nghị - Thái Bình (*đấu nối Trạm 220kV Lý Nhân*)	Tỉnh Hà Nam	4x2	Số mạch x km
7	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Đồng Văn - Phủ Lý (*đấu nối Trạm 220kV Đồng Văn)*	Tỉnh Hà Nam	2x15	Số mạch x km
8	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Thái Bình - Thanh Nghị	Tỉnh Hà Nam	2x60	Số mạch x km
9	Xây dựng mới đường dây 220kV (*hai mạch*) Hưng Yên - Đồng Văn	Tỉnh Hà Nam	2x14	Số mạch x km
	Lưới điện 110 kV	Tỉnh Hà Nam		
1	Nâng công suất TBA 110kV Long Thành	Tỉnh Hà Nam	55+63	máy x MVA
2	Nâng công suất TBA 110kV Thành Thắng	Tỉnh Hà Nam	2x45	máy x MVA
3	Nâng công suất TBA 110kV Thành Thắng 3	Tỉnh Hà Nam	2x45	máy x MVA
4	Nâng công suất TBA 110kV Thạch Tổ	Tỉnh Hà Nam	63+40	máy x MVA
5	Nâng công suất TBA 110kV Lý Nhân	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
6	Nâng công suất TBA 110kV Thanh Nghị	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
7	Nâng công suất TBA 110kV Kiện Khê	Tỉnh Hà Nam	3x63	máy x MVA
8	Nâng công suất TBA 110kV Bình Lục	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
9	Nâng công suất TBA 110kV Hòa Mạc	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
10	Nâng công suất TBA 110kV Châu Sơn	Tỉnh Hà Nam	4x63	máy x MVA
11	Xây dựng mới TBA 110kV Châu Sơn 2 *(trên cơ sở tách MBA T3, T4 thuộc TBA 110kV Châu Sơn)*	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
12	Xây dựng mới TBA 110kV xi măng Hoàng Long	Tỉnh Hà Nam	2x25	máy x MVA
13	Xây dựng mới TBA 110kV Tiên Hiệp	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
14	Xây dựng mới TBA 110kV Nhân Mỹ	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
15	Xây dựng mới TBA 110kV Ba Sao	Tỉnh Hà Nam	40+63	máy x MVA
16	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
17	Xây dựng mới TBA 110kV Đồng Văn 2	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
18	Xây dựng mới TBA 110kV Phủ Lý 2	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
19	Xây dựng mới TBA 110kV Phủ Lý 3	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
20	Xây dựng mới TBA 110kV Duy Tiên 2	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
21	Xây dựng mới TBA 110kV Lý Nhân 2	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
22	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Liêm	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
23	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 2	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
24	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 2	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
25	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 3	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
26	Xây dựng mới TBA 110kV Đồng Văn 5	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
27	Xây dựng mới TBA 110kV Hòa Mạc 2	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
28	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 3	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
29	Xây dựng mới TBA 110kV Kim Bảng 4	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
30	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà 2	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
31	Xây dựng mới TBA 110kV Thái Hà 3	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
32	Xây dựng mới TBA 110kV Lý Nhân 3	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
33	Xây dựng mới TBA 110kV Bình Lục 4	Tỉnh Hà Nam	2x63	máy x MVA
34	Xây dựng mới TBA 110kV Kiện Khê 2	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
35	Xây dựng mới TBA 110kV Thanh Bình	Tỉnh Hà Nam	63	máy x MVA
36	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân (*tách tuyến Lý Nhân - Mỹ Lộc*)	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
37	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân (*tách tuyến Lý Nhân - Đồng Văn*)	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
38	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân - T110 Thái Hà	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
39	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân - T110 Bình Lục	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
40	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn - Duy Tiên 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
41	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn (*tách tuyến Đồng Văn - Lý Nhân*)	Tỉnh Hà Nam	4x300	Số mạch x tiết diện
42	Xuất tuyến 220kV Đồng Văn - Tiên Hiệp (*tách đường dây rẽ Tiên Hiệp*)	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
43	Xuất tuyến 220kV Phủ Lý - Phủ Lý 3 - Tiên Hiệp	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
44	Xuất tuyến 220kV Thanh Nghị - Kiện Khê	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
45	Nhánh rẽ đường dây 110kV TBA 110kV Châu Sơn (*mạch 2*)	Tỉnh Hà Nam	2x400	Số mạch x tiết diện
46	Rẽ TBA 110kV XM Hoàng Long	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
47	Rẽ TBA 110kV Duy Tiên 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
48	Rẽ TBA 110kV Tiên Hiệp	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
49	Rẽ TBA 110kV Nhân Mỹ	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
50	Xuất tuyến 220kV Phủ Lý - T110 Ba Sao	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
51	Rẽ TBA 110kV Đồng Văn 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
52	Rẽ TBA 110kV Phủ Lý 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
53	Rẽ TBA 110kV Lý Nhân 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
54	Rẽ TBA 110kV Thanh Liêm	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
55	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
56	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
57	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 3	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
58	Rẽ TBA 110kV Đồng Văn 5	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
59	Rẽ TBA 110kV Hòa Mạc 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
60	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 3	Tỉnh Hà Nam	2x400	Số mạch x tiết diện
61	Rẽ TBA 110kV Kim Bảng 4	Tỉnh Hà Nam	2x400	Số mạch x tiết diện
62	Xuất tuyến 220kV Lý Nhân - T110 Thái Hà 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
63	Rẽ TBA 110kV Thái Hà 3	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
64	Rẽ TBA 110kV Lý Nhân 3	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
65	Rẽ TBA 110kV Bình Lục 4	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
66	Rẽ TBA 110kV Kiện Khê 2	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
67	Rẽ TBA 110kV Thanh Bình	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
68	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x400	Số mạch x tiết diện
69	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T220 Thanh Nghị - T220 Ninh Bình, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
70	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Thạch Tổ, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x400	Số mạch x tiết diện
71	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Kim Bảng - T110 Mỹ Đức - T110 Vân Đình, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
72	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Phủ Lý - T110 Phủ Lý 3 - T110 Tiên Hiệp - T220 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
73	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Thạch Tổ, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	1x400	Số mạch x tiết diện

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
74	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Bình Lục - T110 Hiển Khánh - T110 Ý Yên, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	1x400	Số mạch x tiết diện
75	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Thanh Nghị - T110 Kiện Khê, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
76	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Đồng Văn, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
77	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Mỹ Lộc, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	1x400	Số mạch x tiết diện
78	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Lý Nhân - T110 Phủ Lý, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	1x300	Số mạch x tiết diện
79	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Bình Lục, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
80	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T220 Lý Nhân - T110 Thái Hà 2 - T110 Thái Hà 3, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	Số mạch x tiết diện
81	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn đoạn tuyến XT TBA 220kV Đồng Văn (tách tuyến Đồng Văn - Lý Nhân) đồng bộ với tuyến từ T220 Lý Nhân - T220 Đồng Văn - T110 Đồng Văn	Tỉnh Hà Nam	4x300	Số mạch x tiết diện
82	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn từ T110 Hòa Mạc - T220 Hưng Yên, đồng bộ dây dẫn nhánh rẽ các TBA đấu nối trên đường dây	Tỉnh Hà Nam	2x300	số mạch x tiết diện
83	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Vissai Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	2x300	số mạch x tiết diện
84	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Vissai 3	Tỉnh Hà Nam	2x300	số mạch x tiết diện
85	Cải tạo, nâng tiết diện dây dẫn nhánh rẽ xi măng Bút Sơn (*Bút Sơn 1, Bút Sơn 2)*	Tỉnh Hà Nam	2x300	số mạch x tiết diện

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
VI	**THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG**			
1	Xây dựng chính quyền số	Tỉnh Hà Nam		
2	Xây dựng, triển khai Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam		
3	Xây dựng đề án đô thị thông minh	Thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên		
4	Xây dựng Trung tâm Điều hành thông minh	Tỉnh Hà Nam		
5	Xây dựng Trung tâm giám sát an toàn không gian mạng tỉnh Hà Nam (SOC)	Tỉnh Hà Nam		
6	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam		
6	Triển khai xây dựng hệ thống thông tin nguồn; hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Tỉnh Hà Nam		
7	Ứng dụng bản đồ số trong quản lý hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động	Tỉnh Hà Nam		
8	Dự án số hóa quy trình nghiệp vụ phục vụ cho sản xuất, phát sóng báo nói, báo hình và trang thông tin điện tử tổng hợp	Tỉnh Hà Nam		
VII	**THỦY LỢI - CẤP NƯỚC**			
A	**Trạm bơm cải tạo**	**Các huyện, thị xã, thành phố**		
A.1	**Công trình ưu tiên cải tạo, nâng cấp**			
1	Trạm bơm Hoàng Tây	Huyện Kim Bảng		
2	Trạm bơm Kim Bình	Huyện Kim Bảng		
3	Trạm bơm Chợ Lương	Thị xã Duy Tiên		
4	Trạm bơm Lạc Tràng Bộ	Thành phố Phủ Lý		
5	Trạm bơm Điệp Sơn	Thị xã Duy Tiên		
6	Trạm bơm Tiên Phong	Thị xã Duy Tiên		
7	Trạm bơm Khả Phong	Huyện Kim Bảng		
8	Xây dựng trạm bơm Quan Trung	Huyện Lý Nhân		
9	Trạm bơm Cầu Ghéo	Huyện Bình Lục		
10	Trạm bơm Tân Sơn	Huyện Kim Bảng		
11	Trạm bơm Quế II	Huyện Kim Bảng		
12	Trạm bơm Bút I	Thị xã Duy Tiên		
13	Trạm bơm Đồng Vàng	Thị xã Duy Tiên		
14	Trạm bơm Ngọc Động	Thị xã Duy Tiên		
15	Trạm bơm Duy Hải	Thị xã Duy Tiên		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
16	Nâng cấp, cải tạo 54 trạm bơm hiện trạng khác	Các huyện, thành phố, thị xã		
A.2	**Đối với công trình tiếp nguồn**			
1	Xây dựng đập điều tiết Quan Trung - Vĩnh Trụ	Huyện Lý Nhân		
2	Cải tạo nâng cấp các cống dưới đê: Cống lấy nước Trạm bơm Như Trác; Cống dẫn nước Trạm bơm Nhâm Tràng	Các huyện, thành phố, thị xã		
3	Cải tạo bổ sung, nâng cấp các trạm bơm theo quy hoạch Bắc Nam Hà	Các huyện, thành phố, thị xã		
A.3	**Nạo vét, kiên cố hóa hệ thống kênh**			
1	Các trục kênh tiêu chính về các trạm bơm đầu mối trên địa bàn tỉnh	Các huyện, thành phố, thị xã		
B	**Trạm bơm ưu tiên xây mới**			
1	Trạm bơm Tân Sơn II	Huyện Kim Bảng		
2	Xây dựng trạm bơm Mộc Bắc	Thị xã Duy Tiên		
3	Xây dựng trạm bơm Nguyên Chính	Huyện Lý Nhân		
4	Xây dựng trạm bơm đầu mối	Huyện Lý Nhân		
5	Xây dựng trạm bơm phía Tây đường cao tốc	Thành phố Phủ Lý		
6	Xây dựng trạm bơm phía Đông đường cao tốc	Thành phố Phủ Lý		
7	Xây dựng trạm bơm Thanh Liêm I	Huyện Thanh Liêm		
C	**Cải tạo nâng cấp hệ thống các kênh dẫn tưới, tiêu chính; kênh cấp I, cấp II về các trạm bơm đầu mối**	**Các huyện, thành phố, thị xã**		
D	**Cải tạo, nâng cấp các hồ chứa, hồ điều hòa hiện có; xây dựng mới các hồ chứa, hồ điều hòa theo quy hoạch đô thị, nông thôn**	**Các huyện, thành phố, thị xã**		
Đ	**Xây dựng tu bổ hệ thống đê điều**			
1	Cải tạo, gia cố tăng khả năng thoát lũ và chống xói lở bờ sông Đáy đoạn từ Quền Vồng đến cầu Khả Phong thuộc địa phận xã Khả Phong huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng		
2	Xử lý cấp bách các cống dưới đê từ cấp III trở lên	Thành phố Phủ Lý, Thị xã Duy Tiên, các huyện Lý Nhân, Thanh Liêm, Kim Bảng		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu - Thành phần Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, vay vốn ADB đối với các hợp phần trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Thị xã Duy Tiên, các huyện Lý Nhân, Kim Bảng, Thanh Liêm		
4	Nâng cấp một số tuyến đê bối thuộc tuyến đê tả Đáy	Thành phố Phủ Lý, các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng		
5	Nâng cấp một số tuyến đê bối thuộc tuyến đê hữu Hồng	Thị xã Duy Tiên, huyện Lý Nhân		
6	Đầu tư nâng cấp đê hữu Đáy từ ranh giới Hà Nội, Hà Nam đến cầu Kiện Khê theo Quyết định số: 1821/QĐ-TTg ngày 07/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng, chống lũ và đê điều hệ thống sông Đáy	Thành phố Phủ Lý, các huyện Thanh Liêm, Kim Bảng		
E	**CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC**			
1	Đầu tư xây dựng hệ thống đường ống truyền tải, phân phối và nâng công suất Nhà máy nước sạch Sông Hồng	Thị xã. Duy Tiên	370.000 m^3/ngđ	
2	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước nhà máy nước sạch Đạo Lý	Huyện Lý Nhân	135.000 m^3/ngđ	
3	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước nhà máy nước Mộc Bắc	Thị xã Duy Tiên	50.000 m^3/ngđ	
4	Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước các nhà máy nước tại huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng	50.000 - 70.000 m^3/ngđ	
5	Nâng công suất các nhà máy nước sử dụng nguồn nước Sông Hồng, sông Đáy đoạn thượng nguồn			
6	Cải tạo, nâng cấp các nhà máy nước sạch tập trung nông thôn	Các huyện, thành phố, thị xã		
VIII	**XỬ LÝ CHẤT THẢI**			
1	Nhà máy xử lý rác tại thung Cổ Chày, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	Xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp thông thường và rác thải nguy hại	
2	Nhà máy xử lý rác thải tại thung Đám Gai, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	Xử lý rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Nhà máy xử lý nước thải tập trung đô thị	Các huyện, thành phố, thị xã	Xử lý nước thải	
4	Hệ thống đường ống và trạm xử lý nước thải tập trung	Các huyện, thành phố, thị xã	Xử lý nước thải	
IX	**KHU NGHĨA TRANG**			
1	Đầu tư xây dựng mới hoặc mở rộng nghĩa trang tập trung tại thành phố Phủ Lý, thị xã Duy Tiên, đô thị Kim Bảng và các đô thị khác	Các huyện, thành phố, thị xã		
X	**KHU ĐÔ THỊ, KHU NHÀ Ở**	Các huyện, thành phố, thị xã		Được xác định cụ thể theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và nông thôn
XI	**GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO**			
1	Hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thiết yếu và thu hút các dự án thành phần tại Khu Đại học Nam Cao	Thành phố Phủ Lý và Thị xã Duy Tiên	754 ha	
2	Cơ sở giáo dục và đào tạo (*Mô hình giáo dục liên cấp bậc tiểu học đến trung học; đào tạo dạy nghề từ sơ cấp đến cao đẳng*)	Khu Đại học Nam Cao	12 ha	
3	Trường Trung cấp nghề Bách Khoa	Huyện Thanh Liêm	9,8 ha	
4	Nâng cấp Trường Cao đẳng Nghề Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	6 ha	
5	Trường Trung cấp nghề Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	3,2 ha	
6	Nâng cấp Trường Cao đẳng Y tế Hà Nam	Thành phố Phủ Lý	6 ha	
7	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất các trường trung học phổ thông	Các huyện, thành phố, thị xã		
8	Cải tạo, nâng cấp, sửa chữa cơ sở vật chất các trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên	Các huyện, thành phố, thị xã		
XII	**Y TẾ**			
1	Đầu tư xây dựng nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Thành phố Phủ Lý	1.150 giường	
2	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Lao và bệnh phổi	Thành phố Phủ Lý	120 giường	
3	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Tâm thần	Huyện Thanh Liêm	120 giường	
4	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và phục hồi chức năng	Thành phố Phủ Lý	250 giường	
5	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Mắt	Thành phố Phủ Lý	150 giường	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
6	Dự án Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Phong tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng	50 giường	
7	Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị cho các Trung tâm, Chi cục trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hà Nam	Thành phố Phủ Lý		
8	Dự án đầu tư xây mới, nâng cấp, cải tạo các Trung tâm y tế, Bệnh viện tuyến huyện tỉnh Hà Nam	Các huyện, thành phố, thị xã		
9	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Nhi	Thành phố Phủ Lý		
10	Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện Đa khoa chất lượng cao	Thành phố Phủ Lý		
XIII	**LAO ĐỘNG, NGƯỜI CÓ CÔNG VÀ XÃ HỘI**			
1	Nâng cấp Trung tâm Nuôi dưỡng thương bệnh binh nặng và Điều dưỡng người có công tỉnh	Huyện Thanh Liêm	150 giường điều dưỡng	
2	Đầu tư xây dựng Trung tâm điều trị nghiện ma túy và phục hồi chức năng tâm thần tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng		
XIV	**THIẾT CHẾ VĂN HÓA - THỂ THAO**			
1	Xây dựng Thư viện tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng mới
2	Đầu tư, xây dựng, nâng cấp thiết chế 02 Nhà văn hóa tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Nâng cấp
3	Hoàn thiện Thiết chế Bảo tàng tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng, nâng cấp
4	Xây dựng, nâng cấp Khu liên hợp thể thao tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng mới và nâng cấp
5	Dự án Cải tạo nâng cấp Sân vận động, nhà tập đa năng tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng, nâng cấp
6	Xây dựng mới Nhà biểu diễn nghệ thuật truyền thống	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng mới
7	Xây dựng mới Nhà văn hóa tỉnh	Thành phố Phủ Lý		Xây dựng mới
XV	**DU LỊCH**			
1	Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu Du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng		Cải tạo, xây dựng mới
2	Đền Trần Thương	Huyện Lý Nhân		Tu bổ, tôn tạo
3	Đền Lảnh Giang	Thị xã Duy Tiên		Tu bổ, tôn tạo
4	Đền Trúc và Ngũ Động Thi Sơn	Huyện Kim Bảng		Tu bổ, tôn tạo
5	Chùa Long Đọi Sơn	Thị xã Duy Tiên		Tu bổ, tôn tạo

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
6	Chùa Địa Tạng Phi Lai	Huyện Thanh Liêm		Tu bổ, tôn tạo
7	Không gian Lễ hội Tịch Điền	Thị xã Duy Tiên		
8	Bảo tồn, tôn tạo, và phát huy giá trị của Khu lưu niệm nhà văn, liệt sỹ Nam Cao (*gồm mộ, nhà lưu niệm, nhà Bá Kiến…)*	Huyện Lý Nhân		Tu bổ, tôn tạo và bổ sung một số hạng mục theo quy hoạch đã được duyệt
9	Căn cứ địa Lạt Sơn (*gồm các địa điểm đồi Bụt, đền bà Lê Chân và núi Giáp Dâu…*)	Thành phố Phủ Lý		Tu bổ, tôn tạo
10	Danh lam thắng cảnh Bát Cảnh Sơn	Huyện Kim Bảng		
XVI	**CÁC KHU TỔ HỢP ĐÔ THỊ - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - DU LỊCH - NGHỈ DƯỠNG - THỂ DỤC THỂ THAO**			
1	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn Kim Bảng	Huyện Kim Bảng		Nâng cấp, hoàn thiện
2	Sân Gôn 36 hố và khu phụ trợ xã Tượng Lĩnh	Huyện Kim Bảng		Nâng cấp, hoàn thiện
3	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn Đồi Hoa Sen	Huyện Kim Bảng		Xây dựng mới
4	Khu phức hợp thể thao, giải trí, sân gôn Đồi Con Phượng	Huyện Thanh Liêm		Xây dựng mới
XVII	**HỆ THỐNG TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, SIÊU THỊ, CHỢ, HỘI CHỢ**			
1	Xây dựng Trung tâm thương mại đầu mối	Tỉnh Hà Nam		
2	Xây dựng Trung tâm hội chợ triển lãm	Thành phố Phủ Lý		
3	Xây mới và phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại tương ứng với hệ thống đô thị	Các huyện, thành phố, thị xã		
4	Nâng cấp, cải tạo các chợ để đạt các tiêu chí về chợ theo quy định	Các huyện, thành phố, thị xã		
XVIII	**HỆ THỐNG DỰ TRỮ, CUNG ỨNG XĂNG DẦU, KHÍ ĐỐT**			
1	Nâng cấp, mở rộng Kho dầu khí Hải Linh Hà Nam	Huyện Kim Bảng	30.000 m^3	
XIX	**PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU HỘ CỨU NẠN**			
1	Xây dựng và hoàn thiện trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Bình Lục	Huyện Bình Lục	0,6 ha	

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
2	Xây dựng và hoàn thiện trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Lý Nhân	Huyện Lý Nhân	0,6 ha	
3	Xây dựng mới trụ sở làm việc của Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm	0,6 ha	
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc của Đội phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ huyện Kim Bảng	Huyện Kim Bảng	0,6 ha	
XX	**QUỐC PHÒNG**			
1	Đầu tư xây dựng Căn cứ Hậu phương 1 tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng		
2	Đầu tư xây dựng Căn cứ Hậu phương 2 tỉnh Hà Nam	Huyện Kim Bảng		
3	Đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện dự bị động viên và tiếp nhận lực lượng phòng thủ kỹ thuật cho khu vực phòng thủ tỉnh	Huyện Kim Bảng		
4	Đầu tư Trường bắn, thao trường huấn luyện Bộ Chỉ huy quân sự	Huyện Kim Bảng		
5	Xây dựng Sở Chỉ huy diễn tập tỉnh	Huyện Kim Bảng		
6	Xây dựng công trình quân sự các huyện, thị xã, thành phố	Các huyện, thành phố, thị xã		
7	Đầu tư xây dựng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã	Các huyện, thành phố, thị xã		
8	Đầu tư nâng cấp Bệnh xá Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam		
XXI	**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**			
1	Trại thực nghiệm ứng dụng triển khai các dự án thử nghiệm	Thành phố Phủ Lý	3 ha	
2	Xây dựng thí điểm hệ thống logistics lạnh khép kín tại vùng sản xuất trong hệ thống công trình dịch vụ sản xuất nông nghiệp	Huyện Lý Nhân		Xây dựng 01 hệ thống kho lạnh khép kín
XXII	**NÔNG NGHIỆP**			
1	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất cây trồng hàng hóa, rau củ, quả sạch và chất lượng cao	Tỉnh Hà Nam		
2	Phát triển ngành nghề nông thôn	Tỉnh Hà Nam		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
3	Nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh Hà Nam		
4	"*Mỗi xã một sản phẩm - OCOP*" tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng 2030	Tỉnh Hà Nam		
5	Đề án Phát triển sản xuất nông nghiệp sạch tỉnh Hà Nam giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam		
6	Đề án chuyển đổi cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022 - 2025	Tỉnh Hà Nam		
7	Đề án Phát triển vùng lúa chất lượng cao tỉnh Hà Nam giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam	6.000 ha	
8	Kế hoạch thúc đẩy ứng dụng IPHM (*Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp*) giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam		
9	Đề án phát triển các vùng sản xuất rau an toàn, tập trung bảo đảm truy xuất nguồn gốc gắn với chế biến và phát triển thị trường giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam	500ha	
10	Đề án tăng cường sử dụng phân bón hữu cơ trong sản xuất giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam		
11	Kế hoạch hỗ trợ phòng chống chuột hại và dịch hại mới, dịch hại nguy hiểm có nguy cơ gây thiệt hại lớn trong sản xuất giai đoạn 2025 - 2030	Tỉnh Hà Nam		
12	Kế hoạch thực hiện Đề án của Thủ tướng Chính phủ Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025	Tỉnh Hà Nam	5 triệu cây	
13	Kiểm kê rừng giai đoạn 2025 - 2026	Các huyện có rừng		
14	Rà soát cắm mốc ranh giới 3 loại rừng giai đoạn 2024 - 2030	Các huyện có rừng		
15	Đề án giao rừng gắn với giao đất lâm nghiệp	Các huyện có rừng		
16	Đề án xây dựng các khu tập trung giết mổ gia súc, gia cầm	Tỉnh Hà Nam		
17	Hỗ trợ tổ chức, cá nhân thực hiện chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2025	Tỉnh Hà Nam		

STT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm thực hiện	Dự kiến quy mô đầu tư	Ghi chú
18	Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững	Các huyện có rừng		
19	Dự án xây dựng, cấp mã số định danh cho các vùng trồng trọt	Tỉnh Hà Nam		
20	Dự án thu hút đầu tư vào các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Các huyện có khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		
21	Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2030	Tỉnh Hà Nam		
22	Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2030	Tỉnh Hà Nam		
XXIII	**TÀI NGUYÊN - MÔI TRƯỜNG**			
1	Dự án Điều tra, đánh giá đất đai	Tỉnh Hà Nam		
2	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai	Tỉnh Hà Nam		
3	Thành lập khu bảo tồn loài và sinh cảnh Voọc mông trắng	Huyện Kim Bảng	3.182 ha	
4	Dự án cải tạo, nâng cấp bãi chôn lấp rác thải hợp vệ sinh	Huyện Thanh Liêm		
XXIV	**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC**			
1	Xây dựng mới Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh Hà Nam	Thành phố Phủ Lý		
2	Xây dựng mới Trung tâm hành chính thành phố Phủ Lý	Thành phố Phủ Lý		
3	Xây dựng mới Trung tâm hành chính Thị xã Duy Tiên	Thị xã Duy Tiên		
4	Xây dựng mới Trung Tâm hành chính huyện Thanh Liêm	Huyện Thanh Liêm		

Ghi chú:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cam kết không hợp thức hóa các dự án sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án thuộc Phụ lục này.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn đầu tư dự án.

- Các dự án, công trình khác ngoài Danh mục trên căn cứ vào các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành của địa phương được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.

Phụ lục XXII

DANH MỤC SƠ ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH HÀ NAM THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ)

STT	TÊN SƠ ĐỒ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng huyện tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:50.000